

Lớp Phật Pháp Buddhaddhamma
Môn học: TƯƠNG ƯNG BỘ – SAMYUTTANIKĀYA

Bài học ngày 21.12.2021

TRI NHÂN TRI DIỆN BẤT TRI TÂM
Kinh Bửu Đạo Sĩ Bện Tóc(Sattajaṭilasuttam)
CHƯƠNG III. TƯƠNG ƯNG KOSALA, PHẨM THỨ HAI (S.i, 77)

Đường dài mới biết sức ngựa, sống lâu mới biết rõ người. Đó là ngôn ngữ của cổ đức mang ý nghĩa gần giống với nội dung bài kinh hôm nay. Đức Phật còn dạy thêm một điểm: người sống trong tục lụy khó phân được ai thật sự là bậc thanh tịnh chí thiện. Phải chung sống lâu mới rõ đức hạnh của một người; phải qua lại nhiều mới biết được một người thành thật ra sao; phải trải qua hoạn nạn mới biết sự kiên tâm bền chí của ai đó; và phải thường đàm luận mới biết tri thức rộng hẹp của một người. Chúng sanh phân đông đa sự nhưng nông cạn. Bậc trí giản dị mà thâm sâu. Chỉ với ấn tượng ban đầu khó phân thật, giả, tốt, trí ngu.



Kinh Văn

Ekam samayaṃ bhagavā sāvatthiyaṃ viharati pubbārāme migāramātupāsāde.

Một thuở Đức Thế Tôn trú tại Sāvattihī, Pubbārāma (Đông Viên Tự), tại pháp lâu Migāramātu (Lộc Mẫu giảng đường).

Tena kho pana samayena bhagavā sāyanhasamayaṃ paṭisallānā vuṭṭhito bahidvārakoṭṭhake nisinno hoti.

Bấy giờ vào buổi chiều, Đức Thế Tôn từ chỗ thiền tịnh độc cư đứng dậy đến ngồi tại mái hiên phía ngoài.

Atha kho rājā pasenadi kosalo yena bhagavā tenupasaṅkami; upasaṅkamitvā bhagavantaṃ abhivādetvā ekamantaṃ nisīdi.

Rồi vua Pasenadi vương quốc Kosala đi đến đánh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên.

Tena kho pana samayena satta ca jaṭilā satta ca nigaṇṭhā satta ca acelakā satta ca ekasāṭakā satta ca paribbājakā parūḷhakacchanakhalomā khārivividhamādāya [khārividham ādāya (pī.) dī. ni. 1.280 tadaṭṭhakathāpi oloketabbā] bhagavato avidūre atikkamanti.

Bảy giờ có bảy vị bện tóc, bảy vị Ni kiền tử, bảy vị lỏa thể, bảy vị bảy vị nhất y khát sĩ và bảy vị du sĩ với thân đầy lông, với móng tay dài, lớn như cây lau, mang các pháp khí đang đi ngang qua cách Đức Thế Tôn không xa.

Atha kho rājā pasenadi kosalo utṭhāyāsanā ekamsaṃ uttarāsaṅgaṃ karitvā dakkhiṇajāṇumaṇḍalaṃ pathaviyaṃ nihantvā yena te satta ca jaṭilā satta ca nigaṇṭhā satta ca acelakā satta ca ekasāṭakā satta ca paribbājakā tenañjalim paṇāmetvā tikkhattuṃ nāmaṃ sāvesi – “rājāhaṃ, bhante, pasenadi kosalo...pe... rājāhaṃ, bhante, pasenadi kosalo”ti.

Rồi vua Pasenadi nước Kosala, từ chỗ ngồi đứng dậy, đáp y vào phía một bên vai, quỳ xuống trên đầu gối tay mặt, chấp tay hướng về bảy vị bện tóc, bảy vị Ni Kiền Tử, bảy vị lỏa thể, bảy vị bảy vị nhất y khát sĩ và bảy vị du sĩ ấy và nói lên ba lần tên của mình: "Thưa chư Tôn, con là vua Pasenadi nước Kosala".

Atha kho rājā pasenadi kosalo acirapakkantesu tesu sattasu ca jaṭilesu sattasu ca nigaṇṭhesu sattasu ca acelakesu sattasu ca ekasāṭakesu sattasu ca paribbājakesu yena bhagavā tenupasaṅkami; upasaṅkamtivā bhagavantam abhivādetvā ekamantaṃ nisīdi.

Sau khi bảy vị bện tóc, bảy vị Nigantha, bảy vị lỏa thể, bảy vị nhất y khát sĩ và bảy vị du sĩ ấy đi qua không lâu vua Pasenadi nước Kosala trở lại trước Thế Tôn, đánh lễ và ngồi xuống một bên.

Ekamantaṃ nisinno kho rājā pasenadi kosalo bhagavantam etadavoca –
Ngồi xuống một bên, vua Pasenadi nước Kosala bạch Thế Tôn:

“ye te, bhante, loke arahanto vā arahattamaggam vā samāpannā ete tesam aññatarā”ti.

-- Bạch Thế Tôn, có phải những tu sĩ ấy là những vị A-la-hán trên đời này, hay là những vị đang đi trên con đường hướng đến quả vị A-la-hán?

“Dujjānaṃ kho etaṃ, mahārāja, tayā gihinā kāmabhoginā puttasaṃbādhasayanaṃ ajjhāvasantena kāsikacandaṇaṃ paccanubhontena

mālāgandhavigāḥaṇaṃ dhārayantena jātarūparajataṃ sādhiyanta – ‘ime vā arahanto, ime vā arahattamaṃ samāpanā’”ti.

-- Nay Đại vương, Đại vương là cư sĩ sống thọ hưởng dục lạc, sống vây quanh với con cái, quen dùng các loại chiên đàn ở xứ Kàsi, trang sức với vòng hoa, hương thơm, dầu sáp, sử dụng vàng và bạc, thời thật khó Đại vương biết được ai là là bậc A-la-hán hay ai là bậc đang đi con đường đến quả vị A-la-hán.

“Saṃvāsena kho, mahārāja, sīlaṃ veditabbaṃ. Tañca kho dīghena addhunā, na ittaraṃ; manasikarotā, no amanasikarotā; paññavatā, no duppaññena.

Này Đại vương, phải chung sống lâu mới biết được giới đức của một người. Không phải trong thời gian ngắn mà phải chung đặng dài hạn để biết rõ ai là người tinh giác hay thất niệm; ai là người có chánh trí, ai là người có ác tuệ.

Saṃvohārena kho, mahārāja, soceyyaṃ veditabbaṃ. Tañca kho dīghena addhunā, na ittaraṃ; manasikarotā, no amanasikarotā; paññavatā, no duppaññena.

Này Đại vương, phải tương tác lâu mới biết được sự chân thật của một người. Không phải trong thời gian ngắn mà phải chung đặng dài hạn để biết rõ ai là người tinh giác hay thất niệm; ai là người có chánh trí, ai là người có ác tuệ.

Āpadāsu kho, mahārāja, thāmo veditabbo. So ca kho dīghena addhunā, na ittaraṃ; manasikarotā, no amanasikarotā; paññavatā, no duppaññena.

Này Đại vương, phải trải qua thời gian dài trong hoạn nạn mới biết được sự kiên tâm của một người. Không phải trong thời gian ngắn mà phải chung đặng dài hạn để biết rõ ai là người tinh giác hay thất niệm; ai là người có chánh trí, ai là người có ác tuệ.

Sākacchāya, kho, mahārāja, paññā veditabbā. Sā ca kho dīghena addhunā, na ittaraṃ; manasikarotā, no amanasikarotā; paññavatā, no duppaññenā”ti.

Này Đại vương, phải trải qua thời gian dài đàm luận mới biết được tri thức của một người. Không phải trong thời gian ngắn mà phải chung đặng dài hạn để biết rõ ai là người tinh giác hay thất niệm; ai là người có chánh trí, ai là người có ác tuệ.

“Acchariyaṃ, bhante, abbhutaṃ bhante! Yāva subhāsitamidaṃ, bhante, bhagavatā – ‘dujjānaṃ kho etaṃ, mahārāja, tayā gihinā kāmabhoginā puttasaṃbādhasayanaṃ ajjhāvasanta kāsikacandaṃ paccanubhanta

mālāgandhavilepanaṃ dhārayantena jātarūparajataṃ sādīyantena – ime vā arahanto, ime vā arahattamaggaṃ samāpannā’ti. Saṃvāsena kho, mahārāja, sīlaṃ veditabbaṃ. Tañca kho dīghena addhunā, na ittaraṃ; manasikarotā, no amanasikarotā; paññavatā, no duppaññena. Saṃvohārena kho mahārāja, soceyyaṃ veditabbaṃ. Tañca kho dīghena addhunā, na ittaraṃ; manasikarotā, no amanasikarotā; paññavatā, no duppaññena. Sākacchāya kho, mahārāja, paññā veditabbā. Sā ca kho dīghena addhunā, na ittaraṃ; manasikarotā, no amanasikarotā; paññavatā, no duppaññenā’ti.

-- Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn, khi Thế Tôn đã khéo nói như sau: " Thừa Đại vương, khi Đại vương còn là cư sĩ... .. không phải không với ác tuệ"!

“Ete, bhante, mama purisā carā ocarakā janapadaṃ ocaritvā āgacchanti. Tehi paṭhamam ociṇṇam aham pacchā osāpayissāmi [oyāyissāmi (sī.), ohayissāmi (syā. kaṃ.)].

Bạch Đức Thế Tôn thật ra trong những vị đạo sĩ có những gián điệp do con gọi đi thám sát nước láng giềng. Sau khi thu thập tin tức họ về trình báo với con.

Idāni te, bhante, taṃ rajojallaṃ pavāhetvā sunhātā suvilittā kappitakesamassū odātavattā [odātavattavasanā (sī.)] pañcahi kāmagaṇehi samappitā samaṅgibhūtā paricāressantī’ti.

Bạch Thế Tôn, sau khi những người này hoàn tất nhiệm vụ sẽ tắm rửa, tẩy sạch bọt nhờn, xúc dầu thơm, cắt tỉa râu tóc, mặc y phục trắng đẹp, được hầu hạ và hưởng thụ năm dục lạc.

Atha kho bhagavā etamatthaṃ veditvā tāyaṃ velāyaṃ imā gāthāyo abhāsi –
Từ ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy Đức Thế Tôn nói lên kệ ngôn:

**“Na vaṇṇarūpena naro sujāno,
Na vissase ittaradassanena;
Susaññatānañhi viyañjanena,
Asaññatā lokamimaṃ caranti.**

**“Patirūpako mattikākunḍalova,
Lohaḍḍhamāsova suvaṇṇachanno;
Caranti loka [eke (sī. pī.)] parivārachannā,
Anto asuddhā bahi sobhamānā’ti.**

*Khó biết do bề ngoài,
Khoan tin khi mới gặp,
Những người trông đức độ,
Nhưng buông thả ở đời,
Tựa bông tai bằng đất,
Như tiền đồng bọc vàng,
Kẻ giả hiệu đi lại,
Ngoài đẹp, trong nhuốc nhor.*



Thích văn

Na vaṇṇarūpena naro sujāno = không dễ để biết một người chỉ với ngoại hình
Na vissase ittaradassanena = không nên tin chỉ với ấn tượng ban đầu
Susaññatānañhi viyañjanena = khéo diễn là người có tự chế
Asaññatā lokamimaṃ caranti = những kẻ buông thả đi lại trong đời này

Patirūpako mattikākuṇḍalova = như bông tai giả vốn làm bằng đất nung
Lohaḍḍhamāsova suvaṇṇachanno = như tiền bằng đồng khéo bọc với vàng
Caranti loka parivārachannā = Đi lại trong đời với sự giả trá
Anto asuddhā bahi sobhamānā”ti = Bên ngoài rất đẹp bên trong uế trước



Thích nghĩa

Vì trong những đạo sĩ đó có gián điệp vua Pasenadi cử đi thám thính lân bang. Nhà vua khi gặp nhóm đạo sĩ này biết rõ những ai đóng vai giả tu nhưng vì bảo vệ thân phận của họ đã tỏ ra cung kính. Nhà vua cũng nhân dịp này hỏi Đức Phật làm sao để biết ai thật sự là bậc chân tu thanh tịnh. Câu trả lời của Đức Thế Tôn khiến nhà vua thập hoan hỷ

Dịch Việt và biên soạn Giáo trình: Tỳ kheo Giác Đăng

-ooOoo-

1. Sattajaṭilasuttaṃ [Mūla]

122. Ekam samayaṃ bhagavā sāvattiyam viharati pubbārāme migāramātupāsāde. Tena kho pana samayena bhagavā sāyanhasamayaṃ paṭisallānā vuṭṭhito bahidvārakoṭṭhake nisinno hoti. Atha kho rājā pasenadi kosalo yena bhagavā tenupasaṅkami; upasaṅkamitvā bhagavantam abhivādetvā ekamantaṃ nisīdi.

Tena kho pana samayena satta ca jaṭilā satta ca nigaṇṭhā satta ca acelakā satta ca ekasātakā satta ca paribbājakā parūlhakacchanakhalomā khārividhamādāya [khārividhamādāya (pī.) dī. ni. 1.280 tadatṭhakathāpi oloketabbā] bhagavato avidūre atikkamanti. Atha kho rājā pasenadi kosalo utṭhāyāsanaṃ ekamsam uttarāsaṅgam karitvā dakkhiṇajānumaṅgalaṃ pathaviyaṃ nihantvā yena te satta ca jaṭilā satta ca nigaṇṭhā satta ca acelakā satta ca ekasātakā satta ca paribbājakā tenaṅjalim paṇāmetvā tikkhattum nāmaṃ sāvesi – “rājāham, bhante, pasenadi kosalo...pe... rājāham, bhante, pasenadi kosalo”ti.

Atha kho rājā pasenadi kosalo acirapakkantesu tesu sattasu ca jaṭilesu sattasu ca nigaṇṭhesu sattasu ca acelakesu sattasu ca ekasātakesu sattasu ca paribbājakesu yena bhagavā tenupasaṅkami; upasaṅkamitvā bhagavantam abhivādetvā ekamantaṃ nisīdi. Ekamantaṃ nisinno kho rājā pasenadi kosalo bhagavantam etadavoca – “ye te, bhante, loke arahanto vā arahattamaggaṃ vā samāpannā ete tesam aññatarā”ti. “Dujjānam kho etaṃ, mahārāja, tayā gihinā kāmabhoginā puttasaṃbādhasayanam ajjhāvasantena kāsikacandanam paccanubhontena mālāgandhavilepanam dhārayantena jātārūparajataṃ sādīyantena – ‘ime vā arahanto, ime vā arahattamaggaṃ samāpannā’”ti.

“Saṃvāsena kho, mahārāja, sīlam veditabbaṃ. Tañca kho dīghena addhunā, na ittaram; manasikarotā, no amanasikarotā; paññavatā, no duppaññena. Saṃvohārena kho, mahārāja, soceyyam veditabbaṃ. Tañca kho dīghena addhunā, na ittaram; manasikarotā, no amanasikarotā; paññavatā, no duppaññena. Āpadāsu kho, mahārāja, thāmo veditabbo. So ca kho dīghena addhunā, na ittaram; manasikarotā, no amanasikarotā; paññavatā, no duppaññena. Sākacchāya, kho, mahārāja, paññā veditabbā. Sā ca kho dīghena addhunā, na ittaram; manasikarotā, no amanasikarotā; paññavatā, no duppaññena”ti.

“Acchariyaṃ, bhante, abbhutaṃ bhante! Yāva subhāsitamidaṃ, bhante, bhagavatā – ‘dujjānam kho etaṃ, mahārāja, tayā gihinā kāmabhoginā puttasaṃbādhasayanam ajjhāvasantena kāsikacandanam paccanubhontena mālāgandhavilepanam dhārayantena jātārūparajataṃ sādīyantena – ime vā arahanto, ime vā

arahattamaggaṃ samāpannā'ti. Saṃvāseṇa kho, mahārāja, sīlaṃ veditabbaṃ. Tañca kho dīghena addhunā, na ittaraṃ; manasikarotā, no amanasikarotā; paññavatā, no duppaññena. Saṃvohāreṇa kho mahārāja, soceyyaṃ veditabbaṃ. Tañca kho dīghena addhunā, na ittaraṃ; manasikarotā, no amanasikarotā; paññavatā, no duppaññena. Āpadāsu kho, mahārāja, thāmo veditabbo. So ca kho dīghena addhunā, na ittaraṃ; manasikarotā, no amanasikarotā; paññavatā, no duppaññena. Sākacchāya kho, mahārāja, paññā veditabbā. Sā ca kho dīghena addhunā, na ittaraṃ; manasikarotā, no amanasikarotā; paññavatā, no duppaññenā'ti.

“Ete, bhante, mama purisā carā ocarakā janapadaṃ ocaritvā āgacchanti. Tehi paṭhamam ocinṇaṃ ahaṃ pacchā osāpayissāmi [oyāyissāmi (sī.), ohayissāmi (syā. kaṃ.)]. Idāni te, bhante, taṃ rajojallaṃ pavāhetvā sunhātā suvilittā kappitakesamassū odātavattā [odātavattavasanā (sī.)] pañcahi kāmaguṇehi samappitā samaṅgībhūtā paricāressantī'ti.

Atha kho bhagavā etamatthaṃ viditvā tāyaṃ velāyaṃ imā gāthāyo abhāsi –

“Na vaṇṇarūpeṇa naro sujāno,
Na vissase ittaradassanena;
Susaññatānañhi viyañjanena,
Asaññatā lokamimaṃ caranti.

“Patirūpako mattikākuṇḍalova,
Lohaḍḍhamāsova suvaṇṇachanno;
Caranti loke [eke (sī. pī.)] parivārachannā,
Anto asuddhā bahi sobhamānā'ti.

1. Sattajaṭilasuttavaṇṇanā [Aṭṭhakathā]

122. Dutiyavaggassa paṭhame pubbārāme migāramātupāsādeti pubbārāmasaṅkhāte vihāre migāramātuyā pāsāde. Tatrāyaṃ anupubbikathā – atīte satahassakappamatthake ekā upāsikā padumuttaraṃ bhagavantaṃ nimantetvā buddhappamukhassa bhikkhusaṅghassa satahassadānaṃ datvā bhagavato pādāmūle nipajjitvā – “anāgate tumhādisassa buddhassa aggupaṭṭhāyikā homī'ti patthanaṃ akāsi. Sā kappasatahassaṃ devesu ca manussesu ca saṃsaritvā amhākaṃ bhagavato kāle bhaddiyanagare meṇḍakaputtassa dhanañcayaseṭṭhino gehe sumanadeviyā kucchismiṃ paṭisandhiṃ gaṇhi. Jātakāle cassā visākhāti nāmaṃ akamsu. Sā yadā bhagavā bhaddiyanagaraṃ agamāsi, tadā pañcahi dārikāsatehi saddhiṃ bhagavato paccuggamaṃ gatā paṭhamadassanamiyeva sotāpannā ahoṣi.

Aparabhāge sāvattiyam migāraṣeṭṭhiputtassa puṇṇavaḍḍhanakumārassa geham gatā. Tattha nam migāraṣeṭṭhi mātiṭṭhāne ṭhapesi, tasmā migāramātāti vuccati. Tāya kārite pāsāde.

Bahi dvārakoṭṭhaketi pāsādadvārakoṭṭhakassa bahi, na vihāradvārakoṭṭhakassa. So kira pāsādo lohapāsādo viya samantā catudvārakoṭṭhakayuttena pākārena parikkhitto. Tesu pācīnavārakoṭṭhakassa bahi pāsādacchāyāyam pācīnalokadhātuṃ olokeno paññatte varabuddhāsane nisinno hoti.

Parūḷhakacchanakhalomāti parūḷhakacchā parūḷhanakhā parūḷhalomā, kacchādīsu dīghalomā dīghanakhā cāti attho. **Khārivividhanti** vividhakhāriṃ nānappakāraṃ pabbajitaparikkhārabhaṇḍakaṃ. **Avidūre atikkamantī**ti avidūramaggena nagaram pavisanti. **Rājāham, bhanteti** aham, bhante, rājā pasenadi kosalo, mayham nāmaṃ tumhe jānāthāti. Kasmā pana rājā loke aggapuggalassa santike nisinno evarūpanam naggabhogganissirikānam añjalim paggaṇhātīti. Saṅgaṇhanatthāya. Evaṃ hissa ahosi – “sacāham ettakampi etesaṃ na karissāmi, ‘mayam puttadāraṃ pahāya etassatthāya dubbhojanadukkaseyyādīni anubhoma, ayam amhākaṃ añjalimattampi na karotī’ ti attanā diṭṭham sutam paṭicchādetvā na katheyyum. Evaṃ kate pana anigūhitvā kathessantī” ti. Tasmā evamakāsi. Apica satthu ajjhāsaya jānanattham evamakāsi.

Kāsikacandananti saṅhacandanam. **Mālāgandhavilepananti** vaṇṇagandhatthāya mālam, sugandhabhāvattāya gandham, vaṇṇagandhatthāya vilepanaṅca dhārentena.

Samvāsenāti saḥavāsenā. **Sīlam veditabbanti** ayam susīlo vā dussīlo vāti samvasantena upasānkamantena jānitabbo. **Taṅca kho dīghena addhunā na ittaranti** taṅca sīlam dīghena kālena veditabbam, na ittarena. Dvīhatīhañhi saṃyatākāro ca saṃvutindriyākāro ca na sakkā dassetuṃ. **Manasikarotāti** sīlamassa pariggahessāmīti manasikarontena paccavekkhanteneva sakkā jānituṃ, na itarena. **Paññavatāti** tampi sappaññeneva paṇḍitena. Bālo hi manasikarontopi jānituṃ na sakkoti.

Samvohārenāti kathanena.

“Yo hi koci manussesu, vohāram upajīvati;
Evaṃ vāseṭṭha jānāhi, vāñjo so na brāhmaṇo” ti. (ma. ni. 2.457) –

Ettha hi byavahāro vohāro nāma. “Cattāro ariyavohārā cattāro anariyavohārā” ti (dī. ni. 3.313) ettha cetanā. “Saṅkhā samaññā paññatti vohāro” ti (dha. sa. 1313-1315)

ettha paññatti. “Vohāramattena so vohareyyā”ti (saṃ. ni. 1.25) ettha kathā vohāro. Idhāpi esova adhippeto. Ekaccassa hi sammukhā kathā parammukhāya kathāya na sameti, parammukhā kathā ca sammukhāya kathāya, tathā purimakathā ca pacchimakathāya, pacchimakathā ca purimakathāya. So kathenteneva sakkā jānitum “asuci eso puggalo”ti. Sucisīlassa pana purimaṃ pacchimena, pacchimañca purimena sameti, sammukhākathitaṃ parammukhākathitena, parammukhākathitañca sammukhākathitena, tasmā kathentena sakkā sucibhāvo jānitunti pakāsento evamāha.

Thāmoti ñāṇathāmo. Yassa hi ñāṇathāmo natthi, so uppannesu upaddavesu gahetabbaggaṇaṃ katabbakiccaṃ apassanto advāragharaṃ pavitṭho viya carati. Tenāha **āpadāsu kho, mahārāja, thāmo veditabboti. Sākacchāyāti** saṃkathāya. Duppaññassa hi kathā uduke geṇḍu viya uppalavati, paññavato kathentassa paṭibhānaṃ anantaraṃ hoti. Udukevipphanditeneva hi maccho khuddako vā mahanto vāti ñāyati. **Ocarakāti** heṭṭhācarakā. **Carā** hi pabbatamatthakena carantāpi heṭṭhā – carakāva honti. **Ocaritvāti** avacaritvā vīmaṃsitvā, taṃ taṃ pavattim ṇatvāti attho. **Rajojallanti** rajañca jallañca. **Vaṇṇarūpenāti** vaṇṇasaṅghānena. **Ittaradassanēti** lahukadassanena. **Viyañjanēti** parikkhārabhaṇḍakena. **Patirūpako mattikākuṇḍalovāti** suvaṇṇakuṇḍalapatirūpako mattikākuṇḍalova. **Lohaḍḍhamāsoti** lohaḍḍhamāsako. Paṭhamam.